

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 755/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh mục đô thị loại II, loại III, phường đạt mức quy định
trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong
đô thị loại II, loại III trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1667/NQ-UBTVQH ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Khánh Hòa năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1620/TTr-SXD ngày 12 tháng 02 năm 2026 và văn bản số 2035 /SXĐ-QLHTKT&PTĐT ngày 04 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố danh mục đô thị loại II, loại III, phường đạt mức quy định trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị loại II, loại III trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

(Chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban,

ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Hòa Nam

Phụ lục I**Danh mục đô thị loại II, loại III trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa
(từ ngày 01 tháng 01 năm 2026)***(Đính kèm Quyết định số 755/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

TRƯỚC CHUYỂN TIẾP				SAU CHUYỂN TIẾP		
TT	Tên đô thị	Loại đô thị	Quyết định công nhận loại	TT	Tên đô thị	Loại đô thị
1	Thành phố Nha Trang	Loại I	Quyết định số 518/2009/QĐ-TTg ngày 22/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ	1	Đô thị Nha Trang	Loại II
2	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm	Loại II	Quyết định số 252/QĐ-TTg ngày 26/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ	2	Đô thị Phan Rang-Tháp Chàm	Loại II
3	Thành phố Cam Ranh	Loại III	Quyết định số 717/QĐ-BXD ngày 30/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng	3	Đô thị Cam Ranh	Loại II
4	Thị xã Ninh Hòa	Loại IV	Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 25/10/2010 của Chính phủ – chưa được công nhận đô thị loại IV	4	Đô thị Ninh Hòa	Loại III
5	Huyện Diên Khánh	Loại IV	Quyết định số 220/QĐ-BXD ngày 02/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng	5	Đô thị Diên Khánh	Loại III
6	Thị trấn Vạn Giã	Loại IV	Quyết định số 855/QĐ-BXD ngày 22/9/2010 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng	6	Đô thị Vạn Giã	Loại III(*)
7	Xã Đại Lãnh	Loại V	Quyết định số 3459/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của UBND tỉnh	7	Đô thị Đại Lãnh	Loại III(*)
8	Thị trấn Cam Đức	Loại V	Quyết định số 2167/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của UBND tỉnh	8	Đô thị Cam Đức	Loại III(*)
9	Xã Suối Tân	Loại V	Quyết định số 3458/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của UBND tỉnh	9	Đô thị Suối Tân	Loại III(*)

10	Thị trấn Tô Hạp	Loại V	Quyết định số 2222/QĐ-UBND ngày 17/8/2015 của UBND tỉnh	10	Đô thị Tô Hạp	Loại III(*)
11	Thị trấn Khánh Vĩnh	Loại V	Quyết định số 2168/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của UBND tỉnh	11	Đô thị Khánh Vĩnh	Loại III(*)
12	Thị trấn Phước Dân	Loại V	Nghị định số 33/NĐ-CP ngày 03/6/1993 của Chính phủ	12	Đô thị Phước Dân	Loại III(*)
13	Thị trấn Tân Sơn	Loại V	Nghị định số 42/2000/NĐ-CP ngày 30/8/2000 của Chính phủ	13	Đô thị Tân Sơn	Loại III(*)
14	Thị trấn Khánh Hải	Loại V	Nghị định số 42/NĐ-CP ngày 28/5/1994 của Chính phủ	14	Đô thị Khánh Hải	Loại III(*)
15	Thị trấn Trường Sa	Loại V	Nghị định số 65/2007/NĐ-CP ngày 11/4/2007 của Chính phủ	15	Đô thị Trường Sa	Loại III(*)

Ghi chú:

- Phạm vi đô thị sau chuyển tiếp trùng với phạm vi đô thị đã được cấp có thẩm quyền quyết định công nhận loại đô thị.

- Đô thị loại III(*) là các thị trấn, đô thị loại V trước sắp xếp được chuyển tiếp theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15.

Phụ lục II**Danh mục phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với
đơn vị hành chính trong đô thị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa****(từ ngày 01 tháng 01 năm 2026)***(Đính kèm Quyết định số 755/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

TRƯỚC CHUYỂN TIẾP			SAU CHUYỂN TIẾP		
TT	Tên xã, phường, thị trấn	Mức trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị loại	TT	Tên phường	Mức trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị loại
1	Các phường: Kinh Dinh, Phú Hà, Đài Sơn, Đạo Long	Loại II	1	Phường Phan Rang	Loại II
2	Các phường: Mỹ Bình, Mỹ Đông, Mỹ Hải và phần còn lại của phường Đông Hải	Loại II	2	Phường Đông Hải	Loại II
3	Các phường: Cam Phú, Cam Lộc, Cam Phúc Nam	Loại III	3	Phường Cam Ranh	Loại II
4	Các phường: Cam Thuận, Cam Lợi, Cam Linh	Loại III	4	Phường Cam Linh	Loại II
5	Các phường: Vạn Thạnh, Lộc Thọ, Vĩnh Nguyên, Tân Tiến, Phước Hòa	Loại I	5	Phường Nha Trang	Loại II
6	Các phường: Vĩnh Hòa, Vĩnh Hải, Vĩnh Phước, Vĩnh Thọ; các xã: Vĩnh Lương, Vĩnh Phương	Loại I	6	Phường Bắc Nha Trang	Loại III
7	Các phường: Ngọc Hiệp, Phương Sài; các xã: Vĩnh Ngọc, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Trung	Loại I	7	Phường Tây Nha Trang	Loại III
8	Các phường: Phước Hải, Phước Long, Vĩnh Trường; các xã: Vĩnh Thái, Phước Đồng	Loại I	8	Phường Nam Nha Trang	Loại III
9	Phường Văn Hải	Loại II	9	Phường Ninh Chữ	Loại III
	Thị trấn Khánh Hải	loại V			
10	Phường Đô Vinh	Loại II	10	Phường Đô Vinh	Loại III
	Xã Nhơn Sơn	-			

11	Các phường: Phước Mỹ, Bảo An; xã Thành Hải	Loại II	11	Phường Bảo An	Loại III
12	Các phường: Cam Nghĩa, Cam Phúc Bắc; xã Cam Thành Nam	Loại III	12	Phường Bắc Cam Ranh	Loại III
13	Phường Ba Ngòi và xã Cam Phước Đông	Loại III	13	Phường Ba Ngòi	Loại III
14	Các phường: Ninh Hiệp, Ninh Đa; các xã: Ninh Đông, Ninh Phụng	Loại IV	14	Phường Ninh Hòa	Loại III
15	Các phường: Ninh Diêm, Ninh Hải, Ninh Thủy; xã Ninh Phước	Loại IV	15	Phường Đông Ninh Hòa	Loại III
16	Các phường: Ninh Giang, Ninh Hà; xã Ninh Phú	Loại IV	16	Phường Hòa Thắng	Loại III